

Số: 173 /QĐ-UBND

An Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 05/7/2021 của Hội đồng nhân dân xã An Sơn khóa XXII về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2020.

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của xã An Sơn (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Cán bộ Tài chính- Kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN ĐỨC NGỌC

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Quyết toán	Nội dung	Quyết toán
Tổng số thu	21.247.049,2	Tổng số chi	21.245.049,2
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	331.186,8	I. Chi đầu tư phát triển	14.538.868,0
		1. Chi Xây dựng cơ bản	14.538.868,0
		2. Chi đầu tư phát triển khác	-
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	5.888.527,4	II. Chi thường xuyên	4.769.224,6
III. Thu bổ sung	11.983.389,0	III Chi chuyển nguồn của NSX sang năm sau (nếu có)	1.936.956,6
- Bổ sung cân đối	3.816.481,0		
- Bổ sung có mục tiêu	8.166.908,0		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	19.330,0	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của NSX (nếu có)	3.024.616,0		
		Kết dư ngân sách	2.000,0

An Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Đình Lưu

TM. UBND XÃ



NGUYỄN ĐỨC NGỌC



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị: 1.000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	33.327.082,2	21.290.968,2	33.219.349,5	21.247.049,2	99,7	99,8
I	Các khoản thu 100%	340.930,0	331.186,3	340.930,5	331.186,8	100,0	100,0
1	Phí, lệ phí	16.617,0	16.617,0	16.617,0	16.617,0	100,0	100,0
2	Thu từ quỹ đất công ích và HL công sản khác	261.008,0	261.008,0	261.008,5	261.008,5	100,0	100,0
	<i>Trong đó: Thu hỗ trợ khi NN thu hồi đất</i>	<i>117.580,0</i>	<i>117.580,0</i>	<i>117.580,0</i>	<i>117.580,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp chùa nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	63.305,0	53.561,3	63.305,0	53.561,3	100,0	100,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	17.914.998,2	5.888.627,9	17.851.084,0	5.888.527,4	99,6	100,0
1	Các khoản thu phân chia	95.000,0	95.000,0	59.693,0	59.693,0	62,8	62,8
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000,0	4.000,0	4.000,0	4.000,0	100,0	100,0
	Thuế sử dụng đất NN thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.000,0	6.000,0	5.600,0	5.600,0	93,3	93,3
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	85.000,0	85.000,0	50.093,0	50.093,0	58,9	58,9



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	17.819.998,2	5.793.627,9	17.791.391,0	5.828.834,4	99,8	100,6
	Thuế thu nhập cá nhân	144.482,2	41.492,9	95.873,6	76.698,9	66,4	184,8
	Thuế giá trị gia tăng	190.045,0	152.036,0	210.045,6	152.036,5	110,5	100,0
	Thu tiền sử dụng đất	17.485.471,0	5.600.099,0	17.485.471,8	5.600.099,0	100,0	100,0
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	3.024.616,0	3.024.616,0	3.024.616,0	3.024.616,0	100,0	100,0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	19.330,0	19.330,0	19.330,0	19.330,0	100,0	
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.027.208,0	12.027.208,0	11.983.389,0	11.983.389,0	99,6	99,6
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.860.300,0	3.860.300,0	3.816.481,0	3.816.481,0	98,9	98,9
	Thu bổ sung có mục tiêu	8.166.908,0	8.166.908,0	8.166.908,0	8.166.908,0	100,0	100,0





QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
I	TỔNG CHI	21.290.868,2	16.134.747,0	5.156.121,2	21.245.049,2	14.538.868,0	6.706.181,2	99,8	90,1	130,1
	Trong đó:									
1	Chi Giáo dục	3.295.083,0	3.283.013,0	12.070,0	3.268.981,0	3.256.911,0	12.070,0	99,2	99,2	100,0
2	Chi công tác DQTV và an ninh trật tự	483.259,5		483.259,5	483.259,5		483.259,5	100,0		100,0
3	Chi y tế	2.605.558,0	2.605.558,0		1.086.521,0	1.086.521,0		41,7	41,7	
4	Giao thông	2.722.676,0	2.689.276,0	33.400,0	2.687.936,0	2.654.536,0	33.400,0	98,7	98,7	100,0
5	Chi văn hoá, thông tin	19.650,0		19.650,0	19.650,0		19.650,0	100,0		100,0
6	Chi phát thanh, truyền hình	53.918,6		53.918,6	53.918,6		53.918,6	100,0		100,0
7	Chi thể dục thể thao	54.974,0	35.324,0	19.650,0	54.974,0	35.324,0	19.650,0	100,0	100,0	100,0
8	Chi bảo vệ môi trường	815.148,0	795.498,0	19.650,0	799.148,0	779.498,0	19.650,0	98,0	98,0	100,0
9	Chi các hoạt động kinh tế	18.900,0		18.900,0	18.900,0		18.900,0	100,0		100,0
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.026.459,0	4.208.142,0	3.818.317,0	8.026.459,0	4.208.142,0	3.818.317,0	100,0	100,0	100,0
11	Chi công tác xã hội	2.846.345,5	2.517.936,0	328.409,5	2.804.345,5	2.517.936,0	286.409,5	98,5	100,0	87,2
12	Chi khác	4.000,0		4.000,0	4.000,0		4.000,0	100,0		100,0
14	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	344.896,6		344.896,6	1.936.956,6		1.936.956,6	561,6		561,6
II	Kết dư ngân sách	-			2.000,0	-	2.000,0			



QUYẾT TOÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 173/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành		Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2020			
				Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ			67.437,538	1.050,066	56.889,889	14.538,868	6.047,644	14.538,868	-
A	Công trình chuyển tiếp			57.187,086	1.050,066	50.230,760	8.565,580	6.047,644	8.565,580	
I	Đường giao thông			23.293,109	1.050,066	19.731,692	2.654,536	2.654,536	2.654,536	
1	Cải tạo mặt đường đoạn từ nhà VH thôn đến cầu Gõ Thôn Hưng Sơn	4/2017	6/2017	1.261,646		813,294	26,511	26,511	26,511	
2	Cải tạo mặt đường đoạn từ Cây đa Đồng Cỏ đến nhà VH Thôn Hưng Sơn	8/2017	9/2017	1.095,901		703,223	69,275	69,275	69,275	
2	Cải tạo mặt đường đoạn từ đường trục xã đến cây đa đồng Cỏ Thôn Hưng Sơn	10/2017	12/2017	1.146,268		741,247	14,995	14,995	14,995	
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường trục chính xã An Sơn (Đường Hồng Sơn)	1/2018	7/2018	13.218,228		12.114,165	815,552	815,552	815,552	
5	Cải tạo nâng cấp cầu ra khu sản xuất nông nghiệp thôn Cối, xã An Sơn,	11/2018	01/2019	1.234,968		1.101,429	341,768	341,768	341,768	
5	Mở rộng cầu Quan Sơn, xã An Sơn, huyện Nam Sách	4/2019	10/2019	2.799,264		2.498,268	836,435	836,435	836,435	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Thôn Cối Hưng Sơn	12/2017	01/2018	863,603	352,953	602,953	250,000	250.000	250.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Thôn An Giới (ông Chiền- Bà Thân)	12/2016	01/2017	767,400	266,413	526,413	260,000	260.000	260.000	

ST T	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành		Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2020			
				Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	nguồn đóng góp
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Thôn Quan Sơn (Se- Luyên)	12/2017	01/2018	905,831	430,700	630,70	40,000	40,000	40,000	
II	Trường học			22.671,120	-	20.750,836	1.830,981	1.830,981	1.830,981	-
1	Các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học	4/2017	7/2017	701,168		620,785	70,554	70,554	70,554	
2	Nhà lớp học 3T9PTrường Tiểu học	7/2017	3/2018	4.492,950		4.344,64	529,071	529,071	529,071	
3	CT XD Trường MN An Sơn. HM: Nhà lớp học 2T10P và CT phụ trợ	2/2018	11/2018	14.240,645		13.025,646	986,284	986,284	986,284	
4	Trường MN An Sơn. HM: Nhà lớp học 1T4P và CT phụ trợ	4/2018	10/2018	3.236,36		2.759,761	245,072	245,072	245,072	
III	Trụ sở, hội trường			-	-	-	-	-	-	
IV	Nghĩa trang			3.529,548		3.294,670	2.517,936	-	2.517,936	
	Cải tạo nghĩa trang Liệt sỹ xã An sơn	12/2019	5/2020	3.529,548		3.294,670	2.517,936		2.517,936	
V	Trạm Y tế			0,000	-	-	-	-	-	
VI	Sân vận động			2.978,1		2.465,38	35,324	35,324	35,324	
2	Sân vận động trung tâm xã An Sơn	6/2018	12/2018	2.978,10		2.465,38	35,324	35,324	35,324	
VII	Nhà văn hoá									
VIII	Công trình khác			4.715,205	-	3.988,180	1.526,803	1.526,803	1.526,803	
1	Hạ tầng KDC mới Thôn An Giới Giai đoạn 2	8/2018	12/2018	3.740,15		3.067,80	747,305	747,305	747,305	
2	Bãi chôn lấp rác tập trung	9/2018	12/2018	975.052		920,380	779,498	779,498	779,498	

ST T	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành		Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2020			
				Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	nguồn đóng góp
B	Công trình khởi công mới			10.250,452	-	6.659,129	5.973,288	-	5.973,288	
I	Đường giao thông			-	-	-	-	-	-	
II	Trường học			1.925,273	-	1.779,522	1.425,930	-	1.425,930	-
1	Hệ thống thoát nước và sân bê tông Trường MN An Sơn	5/2020	7/2020	907,273		809,79	746,444		746,444	
2	Cải tạo trường THCS An Sơn,huyện Nam Sách	5/2020	7/2020	1.018,00		969,73	679,486		679,486	
III	Trụ sở, hội trường			3.920,156	-	3.647,502	3.460,837	-	3.460,837	
1	Nhà làm việc bộ phận 1 cửa và các công trình phụ trợ	4/2020	11/2020	3.920,156		3.647,502	3.460,837		3.460,837	
IV	Nghĩa trang			-		-	-	-	-	
V	Trạm Y tế			4.405,023	-	1.232,105	1.086,521	-	1.086,521	
1	Nhà khám bệnh 2 tầng và các hạng mục phụ trợ tạm y tế xã An Sơn	12/2019	8/2021	4.405,023		1.232,11	1.086,52		1.086,521	
VI	Sân vận động			-		-	-		-	
VII	Nhà văn hoá									
VIII	Công trình khác			-	-	-	-	-	-	
									0,000	
									-	

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 173/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND xã)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
		Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
	TONG SO						
A	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách				1.107.601.100	1.092.436.600	15.164.500
I	Các khoản Thu hộ				45.928.600	44.635.000	1.293.600
1	Quỹ PCTT				40.635.000	40.635.000	0
2	Quỹ khấu hao TS HTX DVNN				-		0
3	Thuế đất Phi NN				5.293.600	4.000.000	1.293.600
4	Lệ phí đấu thầu, tiền bảo đảm dự thầu				-	-	0
II	Các khoản chi hộ				965.192.600	1.011.522.600	-46.330.000
1	Bồi thường GPMB				11.250.000	117.580.000	-106.330.000
2	KP mừng thọ, chúc thọ				36.700.000	36.700.000	0
3	Kinh phí công đoàn				8.356.000	8.356.000	0
4	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo				53.446.600	53.446.600	0
5	Tiền ủy nhiệm thu thuế phi NN+ Quỹ PCTT				4.440.000	4.440.000	0
6	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ CSXH bị ảnh hưởng do dịch Covid 19				761.000.000	761.000.000	0
7	Trông coi dàn trạm phát sóng				90.000.000	30.000.000	60.000.000
III	Các Quỹ công chuyên dùng				96.479.900	36.279.000	60.200.900
1	Quỹ tang lễ người qua đời				43.289.900	20.980.000	22.309.900
2	Quỹ PC dịch Covid 19				53.190.000	15.299.000	37.891.000
B	Các hoạt động sự nghiệp						